

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 536/2020/HC-PT

Ngày 15-9-2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông PhAĐ Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Bà Trần Thị Huyền Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2019/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1349/2020/QĐPT-HC ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trương Thị Ph, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 153/GX ấp GX, xã AĐ, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị Kim T – Văn phòng luật sư VTT, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Kh – Văn phòng luật sư VK - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ch: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Ngọc Công D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AĐ (vắng mặt).

2. Công ty TNHH Xây dựng PT.

Địa chỉ: 153 ấp GX, xã AĐ, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng S – Giám đốc (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Trương Thị Ph.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Trương Thị Ph trình bày:

Cha bà là ông Trương Văn Kh1, nguyên là cán bộ tham gia kháng chiến. Sau giải phóng 1975, ông Kh1 là Phó giám đốc Lò gạch ĐK, Bến Tre. Cuối năm 1977, ông Kh1 được UBND huyện BT điều động về phụ trách kỹ thuật lò gạch của huyện BT. Do gia đình đông con, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có đất canh tác, sinh sống nên năm 1978, Huyện ủy và UBND huyện BT cho ông Kh1 khai khẩn, cải tạo khu đất hoang kế bên lò gạch, có diện tích khoảng hơn 3.000m² để canh tác và cất nhà. Liên kế với phần đất này còn có phần đất trống diện tích khoảng 1.200m² bỏ hoang hóa (là phần đất đang tranh chấp nay thuộc thửa 132, tờ bản đồ 17, diện tích 1.312,3m²) nên ông Kh1 khai phá sử dụng luôn phần đất này, hùn vốn làm lò nung than vào năm 1978.

Năm 1989, lò gạch giải thể nên ông Kh1 phá bỏ lò than và sử dụng trồng cây ăn trái. Ngày 20/02/1990, theo đề nghị của Chi bộ, chính quyền ấp 9, UBND xã AĐ xét đồng ý giao phần đất 1.200m² này cho ông Kh1 theo Quyết định 08/UB/QĐ của UBND xã AĐ. Năm 1993, ông Kh1 già yếu nên để bà Ph đăng ký kê khai, đo đạc nhập chung phần đất được UBND huyện giao 3.000m² và phần đất được UBND xã AĐ giao 1.200m² với tổng diện tích đo đạc lại là 4.366m² thuộc thửa 322, tờ bản đồ số 9. Thửa đất này được Hội đồng đăng ký đất đai của xã AĐ xét duyệt và đề nghị UBND huyện BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) cùng với các phần đất khác của gia đình bà Ph vào năm 2004 nhưng do hồ sơ thất lạc nên thửa 322 chưa được cấp giấy CNQSDĐ.

Năm 2007, khi ông Lê Văn Ú được UBND huyện BT cho phép xây dựng khai thác bến phà MA, qua sự vận động của UBND xã, bà Ph đồng ý cho xây cầu dẫn, đường dẫn, nhà chờ và xây 02 phòng vệ sinh trên phần đất của bà với cam kết ông Ú cho bà bán quán nước trong khu vực này kiếm sống. Từ đó, đất của bà Ph bị chia cắt nằm ở cả hai bên phía phải và trái của đường đi ra bến phà. Năm 2011, xã có vận động bà Ph đốn một số cây dừa, cây ăn trái, tháo dỡ chòi để mượn một phần

đất này làm bãi chứa cát làm lộ huyện GT. Sau khi hoàn thành cũng đã trả phần đất này lại cho bà. Trong biên bản mượn đất, chính quyền xã cũng thừa nhận phần đất này do ông Kh1 khai phá.

Phần đất này bà vẫn sử dụng ổn định, không ai tranh chấp nhưng lâu quá không được cấp giấy CNQSDĐ nên bà Ph khiếu nại. Năm 2014, theo chủ trương đo đạc lại đất đai trong xã thì thửa 322 bị tách thành thửa 125, 130, 131 có tổng diện tích 650,6m² là diện tích xây nhà chõu bên phà; diện tích mở lộ thông ra bên phà khoảng 737,4m²; thửa 126, diện tích 1.666,7m² là đất trồng cây lâu năm và nhà ở của bà Ph; thửa 132, diện tích 1.312,3m² là phần đất mà bà đang tranh chấp.

Ngày 20/6/2016, ông Nguyễn Văn D1 là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty TNHH Xây dựng PT (Công ty PT) nhận sang bên phà MA của ông Ú và viết giấy cam kết tiếp tục thực hiện theo đúng nội dung bản cam kết của ông Ú trước đây. Tại cuộc họp ngày 26/4/2018 với Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã, bà Ph mới biết ngày 15/11/2017, UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành Quyết định 2763/QĐ-UBND thu hồi thửa 132 và cho Công ty PT thuê làm bên phà.

Việc UBND tỉnh cho rằng thửa 132 là đất công và thu hồi để cho thuê, đồng thời bác yêu cầu khiếu nại của bà là không đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, bà Ph khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định 1313/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho UBND xã AĐ, huyện BT quản lý; Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh Bến Tre về việc thu hồi và cho Công ty PT thuê đất; Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại của bà Ph; Giấy CNQSDĐ số CL906060 đối với thửa 132, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.312,3m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho Công ty PT ngày 19/01/2018.

Người bị kiện trình bày:

Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày:

Ông Trương VK (cha của bà Ph) tham gia hoạt động cách mạng tại tỉnh Cà Mau từ trước năm 1975. Sau năm 1975, ông Kh1 chuyển về công tác tại cơ sở sản xuất gạch của huyện BT. Sau đó, ông Kh1 được Huyện ủy, UBND huyện BT tạm giao khoảng 3.000m² đất giồng (giáp với phần đất làm lò gạch) để ông Kh1 sử dụng. Thời gian sau, ông Kh1 khai thác thêm phần đất trống kế bên khoảng 1.200m² (nằm trong mặt bằng khai thác của cơ sở sản xuất gạch).

Năm 1978, ông Kh1 được ông Trương Văn Được cho sử dụng khoảng 3.000m² đất ruộng tại ấp 9, xã AĐ. Sau đó, ông Kh1 thỏa thuận hoán đổi với UBND xã AĐ và UBND xã AĐ giao lại cho ông Kh1 7.000m² đất của xã quản lý giáp với phần đất ông Kh1 đang sử dụng. Phần diện tích 7.000m² mà ông Kh1 nhận hoán đổi do bà Ph quản lý sử dụng và đã được UBND huyện BT cấp giấy CNQSDĐ năm 2012, với diện tích 7.386m² thuộc thửa số 117, 160, 161 và 162 tờ bản đồ số 17, tại xã AĐ. Năm 1989, cơ sở sản xuất gạch giải thể, UBND huyện BT giao phần đất cơ sở sản xuất gạch cho UBND xã AĐ quản lý. Lúc này, ông Kh1

gửi đơn xin được giao diện tích 1.200m² đất mà trước đây tự khai phá sử dụng. Ngày 20/02/1990, UBND xã AĐ có Quyết định số 08/QĐ-UB giao cấp đất cho ông Kh1 với diện tích 1.200m².

Năm 1993, Nhà nước đo đạc đất xã AĐ, lúc này ông Kh1 già yếu nên bà Ph đứng tên kê khai đăng ký phần đất của ông Kh1 được giao với tổng diện tích là 4.366m² thuộc thửa 322, tờ bản đồ số 9. Năm 2007, thực hiện chủ trương mở bến phà AĐ qua MA, theo kế hoạch thì việc mở phà và mở lộ lên xuống bến phà đi ngang qua phần đất của gia đình bà Ph sử dụng. Lúc này, UBND xã AĐ và chủ đầu tư có vận động bà Ph đồng ý giao đất để mở lộ làm bến phà, với điều kiện: Khi bến phà đưa vào hoạt động, gia đình bà Ph được ưu tiên kinh doanh, buôn bán trong khu vực bến phà. Sau khi bến phà AĐ – MA đi vào hoạt động thì bà Ph gửi đơn đề nghị UBND huyện BT cấp giấy CNQSDĐ toàn bộ phần đất đang sử dụng.

Sau khi chỉ đạo kiểm tra, ngày 26/5/2008 Ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại huyện BT tiến hành họp xem xét giải quyết các trường hợp khiếu nại có liên quan đến đất đai, trong đó có trường hợp của bà Ph liên quan đến phần đất trước đây địa phương đã tạm giao cho ông Kh1 (cha bà Ph) và thống nhất kết luận điều chỉnh một phần diện tích đất của gia đình bà Ph đang sử dụng giao trả lại khoảng 1.500m² cho UBND xã AĐ quản lý theo chế độ công. Năm 2014, nhà nước đo đạc theo dự án VLAP thì thửa 322 bị tách thành thửa 125, 130, 131 có tổng diện tích 650,6m² là diện tích xây nhà chờ bến phà; diện tích mở lộ thông ra bến phà khoảng 737,4m²; thửa 126, diện tích 1.666,7m² là đất trồng cây lâu năm và nhà ở và thửa 132, diện tích 1.312,3m².

Thực hiện theo kết luận của Ban chỉ đạo, UBND huyện BT đề nghị UBND tỉnh Bến Tre xác lập việc quản lý đất công, để giao cho UBND xã AĐ quản lý diện tích 1.312,3m² thửa đất 132. Ngày 07/7/2015, UBND tỉnh Bến Tre ban hành quyết định Quyết định 1313/QĐ-UBND giao đất cho UBND xã AĐ, huyện BT quản lý với tổng diện tích 132.109,4m² đất, trong đó có diện tích 1.312,3m² thửa đất 132, tờ bản đồ số 17. Ngày 20/9/2016, ông Lê Văn Ú sang nhượng bến phà AĐ – MA cho ông Nguyễn Văn D1 quản lý. Sau khi sang nhượng bến phà, ông Dũng có đơn xin thuê diện tích 1.312,3m² thửa 132 do UBND xã AĐ quản lý, để mở lộ làm đường lên xuống bến phà và xây cất nhà chờ phà.

Ngày 15/11/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2763/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 1.312,3m² do UBND xã AĐ quản lý, để cho Công ty PT thuê thực hiện dự án bến phà. Bà Ph gửi đơn khiếu nại cho rằng toàn bộ phần diện tích đất của gia đình bà đang sử dụng được địa phương giao từ năm 1990 nên yêu cầu trả lại phần diện tích 1.312,3m² và cấp giấy CNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất trên.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 302/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị Ph là phù hợp với quy định pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre trình bày: Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy CNQSDĐ cho Công ty PT là dựa trên hồ sơ thuê

đất của Công ty đã được UBND tỉnh chấp thuận căn cứ vào Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh Bến Tre. Việc cấp giấy CNQSDĐ nêu trên là đúng quy định pháp luật đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân xã АД trình bày:

Việc khiếu nại của bà Ph không đúng quy định pháp luật vì phần đất này là thuộc quỹ đất công do Nhà nước quản lý. Trước đây, Nhà nước có chủ trương cấp đất cho hộ dân theo bình quân nhân khẩu, gia đình bà Ph có 4 nhân khẩu nên được giao khoán 4.000m². Năm 1993, bà Ph đã kê khai phần đất khoán và phần đất xây dựng lò gạch do UBND xã quản lý. Ngày 29/5/2008, Ban chỉ đạo thống nhất cấp giấy CNQSDĐ cho hộ bà Ph toàn bộ diện tích đất nông nghiệp khoảng 4.000m² và 1.000m² đất khai phá, đất thừa còn lại giao cho UBND xã quản lý theo chế độ đất công. Hiện nay, bà Ph sử dụng và được cấp giấy CNQSDĐ tổng diện tích 9.070,8m² là thừa so với kết luận chỉ đạo giải quyết của huyện.

Phần đất tranh chấp trước đây là đất trồng do UBND xã quản lý. Sau khi thành lập bến phà MA năm 2008 thì UBND huyện giao cho bến phà mở đường xây dựng bờ kè cặp sông Hàm Luông làm bến chờ phà, hiện phần đất này UBND tỉnh cho Công ty PT thuê.

Công ty PT trình bày: Công ty có thuê thửa đất 132 do UBND xã АД quản lý, được UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt làm lối đi lên xuống phà. Công ty đã nộp đủ tiền thuê đất nhưng khi UBND xã АД giao đất lại xảy ra tranh chấp. Nay, Công ty không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph. Nếu Quyết định của UBND tỉnh đúng thì phải giao đất cho Công ty, còn nếu UBND tỉnh Bến Tre lấy lại đất giao cho bà Ph thì phải trả lại tiền để Công ty thuê đất chỗ khác làm lối đi xuống bến phà.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 51/2019/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 59; khoản 1 Điều 66, Điều 99, Điều 100, Điều 105 Luật Đất đai 2013; Điều 20, Điều 23 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Điều 7, 21, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ph về yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

- Quyết định 1313/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện BT quản lý.

- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Quyết định về việc thu hồi và cho công ty TNHH Xây dựng PT thuê đất.

- Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị Ph, cư ngụ ấp GX, xã AĐ, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số CL906060 đối với thửa 132, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.312,3m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho Công ty TNHH Xây dựng PT ngày 19/01/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/11/2019, người khởi kiện, bà Trương Thị Ph kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị.

Tại phiên tòa, bà Ph giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Bà Ph trình bày: Thửa 132 được tách từ thửa 322 (gồm thửa 125, 126, 130, 131, 132). Bà Ph sử dụng thửa 132 để trồng Dừa và cỏ để nuôi bò. Năm 1993, bà Ph đã đăng ký sử dụng thửa 322, diện tích 4.366m², gồm 3.000m² được UBND huyện cấp cho ông Kh1 năm 1978 và 1.200m² được UBND xã AĐ cấp cho ông Kh1 năm 1990. Việc UBND tỉnh ban hành Quyết định 1313/QĐ-UBND xác định thửa 132 là đất công và giao cho UBND xã AĐ quản lý là không đúng. Bà Ph đã khiếu nại Quyết định 1313/QĐ-UBND nhưng chưa được giải quyết thì UBND tỉnh lại ban hành Quyết định 2763/QĐ-UBND cho Công ty PT thuê thửa 132 là trái pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph trình bày: Thống nhất nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Thửa 132 là một phần thửa 322 mà ông Kh1 được giao, do bà Ph đăng ký sử dụng hợp pháp từ năm 1993. Bản đồ địa chính và sổ mục kê thể hiện thửa 132 (trước là thửa 322, diện tích 4.366m²) có nguồn gốc đất hoang, được UBND huyện BT và UBND xã AĐ giao cho ông Kh1 sử dụng. Người làm chứng xác nhận đất do ông Kh1 được giao. Việc UBND tỉnh Bến Tre cho rằng thửa 132 là đất công là không đúng thực tế sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Ph và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Ông Kh1 là cha bà Ph đã khai phá sử dụng và được giao 3.000m² từ năm 1978. Ngày 20/2/1990, UBND xã AĐ giao cho ông Kh1 1.200m². Năm 1993, bà Ph đã đăng ký thửa 322, diện tích 4.366m² thuộc 2 phần đất mà ông Kh1 được giao trước đây. Việc bà Ph sử dụng đất ổn định, không tranh chấp nên đủ điều kiện cấp

giấy CNQSDĐ quy định tại Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Lời khai của người làm chứng nguyên là Bí thư, Chủ tịch UBND xã АД xác nhận thửa 132 là đất khai phá, không phải là đất công. Điều này phù hợp với Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, có nội dung: Sau khi xác minh đã đề xuất UBND tỉnh Bến Tre chấp nhận khiếu nại của bà Ph và giải quyết theo hướng hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND và Quyết định số 2763/QĐ-UBND, giao cho UBND huyện BT cấp giấy CNQSDĐ cho bà Ph. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai thì tranh chấp đất nhưng đã có giấy CNQSDĐ thì do Tòa án giải quyết nên việc UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 302/QĐ-UBND là sai.

Như vậy, kháng cáo của bà Ph và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bà Ph và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” và giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Bà Trương Thị Ph kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị đúng quy định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bà Ph yêu cầu hủy Quyết định 1313/QĐ-UBND, Quyết định số 2763/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bến Tre; Quyết định số 302/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre và Giấy CNQSDĐ số CL906060 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính nêu trên và giải quyết là đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét các quyết định hành chính bị khiếu kiện, thấy rằng:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Sau khi UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 2763/QĐ-UBND, bà Ph khiếu nại quyết định này nên Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 302/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Ph là đúng quy định tại Điều 7, 21, 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011. Sở Tài nguyên và Môi trường cứ Quyết định 1313/QĐ-UBND, Quyết định số 2763/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bến Tre để cấp giấy CNQSDĐ số CL906060 cho Công ty PT là đúng quy định tại Điều 99, 100, 105 Luật Đất đai 2013.

Tuy nhiên, sau khi bên phà АД được mở và đi vào hoạt động vào năm 2007 thì bà Ph gửi đơn đề nghị UBND huyện BT cấp giấy CNQSDĐ, trong đó có diện

tích 1.312,3m² thửa đất 132, tờ bản đồ số 17, tại xã АД. Các cơ quan có thẩm quyền chưa giải quyết yêu cầu của bà Ph nhưng ngày 07/7/2015 UBND tỉnh Bến Tre lại ban hành Quyết định 1313/QĐ-UBND có nội dung giao đất cho UBND xã АД quản lý thửa đất 132. Quyết định 1313/QĐ-UBND bị bà Ph khiếu nại, chưa được giải quyết nhưng ngày 15/11/2017, UBND tỉnh Bến Tre lại ban hành số 2763/QĐ-UBND có nội dung thu hồi và cho Công ty PT thuê đất là không đúng quy định pháp luật về đất đai.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 1978, ông Trương VK (là bố bà Ph) được giao sử dụng khoảng 3.000m² đất ruộng tại ấp 9, xã АД. Ngày 20/02/1990, UBND xã АД ban hành Quyết định số 08/QĐ-UB giao 1.200m² cho ông Kh1. Năm 1993, bà Ph đứng tên kê khai đăng ký phần đất của ông Kh1 được giao với tổng diện tích là 4.366m², thuộc thửa 322, tờ bản đồ số 9. Năm 2014, Nhà nước đo đạc theo dự án VLAP thì thửa 322 tách thành các thửa: 125, 126, 130, 131 và 132. Trong đó: Thửa 125, 130, 131 (tổng diện tích 650,6m²) là diện tích xây nhà chờ bến phà; thửa 126 (diện tích 1.666,7m²) là đất trồng cây lâu năm và nhà ở và thửa 132 có diện tích 1.312,3m².

[2.2.2] Như vậy, có căn cứ xác định bà Ph đã đăng ký thửa thửa 322, tờ bản đồ số 9 vào năm 1993. Việc tách thửa 322 thành các thửa: 125, 126, 130, 131 và 132 là nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của bà Ph đối với 4.366m² thuộc thửa 322, tờ bản đồ số 9 nêu trên.

[2.2.3] Năm 1990, ông Kh1 được UBND xã АД giao 1.200m², bà Ph là con ông Kh1, đã tiến hành đăng ký ruộng đất năm 1993, đồng thời trực tiếp sử dụng thửa 132, không có tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh thửa 132 được quy hoạch làm Bến phà АД theo đúng quy định của Luật Đất đai.

[3] Như vậy, do các Quyết định số 1313/QĐ-UBND và số 2763/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bến Tre được ban hành không đúng trình tự, thủ tục, nội dung quyết định trái pháp luật nên không có giá trị pháp lý và bị hủy. Quyết định 2763/QĐ-UBND bị hủy nên Quyết định số 302/QĐ-UBND có nội dung giữ nguyên Quyết định số 2763/QĐ-UBND cũng bị hủy. Giấy CNQSDĐ số CL906060 của Sở Tài nguyên và Môi trường được căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND và số 2763/QĐ-UBND nên cũng bị hủy.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không xem xét đầy đủ quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ, thực tế sử dụng đất và các tình tiết khách quan của vụ án nhưng lại cho rằng UBND xã АД giao 1.200m² cho ông Kh1 là không đúng thẩm quyền và bà Ph cũng chưa được cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa 132 để bác yêu cầu khởi kiện của bà Ph là không có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bà Ph và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Bà Ph

không phải chịu án phí phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241; Điều 348, 357 Luật tổ tụng hành chính; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, 20, 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Ph.
2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.
3. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2019/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.
4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ph:
 - Hủy Quyết định 1313/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã АД, huyện BT quản lý.
 - Hủy Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Quyết định về việc thu hồi và cho công ty TNHH Xây dựng PT thuê đất.
 - Hủy Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị Ph, cư ngụ ấp GX, xã АД, huyện BT, tỉnh Bến Tre.
 - Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số CL906060 đối với thửa 132, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.312,3m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho Công ty TNHH Xây dựng PT ngày 19/01/2018.
5. Về chi phí thu thập chứng cứ: Bà Trương Thị Ph tự nguyện chịu, đã nộp xong.

6. Về án phí:

6.1 Án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Trương Thị Ph không phải chịu và được trả lại 3000.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0006805 ngày 16/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre, mỗi đương sự phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

6.2 Án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị Ph không phải chịu án phí phúc thẩm và được trả lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006914 ngày 29/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (án NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

PhAD Phương